

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TIẾN

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 20 / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Dự toán	Nội dung	Dự toán
Tổng số thu	175.100	Tổng số chi	175.100
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	235	I. Chi đầu tư phát triển	10.030
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	12.170	II. Chi thường xuyên	162.141
III. Thu bổ sung	162.695,0	III. Dự phòng	2.929
- Bổ sung cân đối ngân sách	162.695		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn	-		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 20 /12/2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh	
					(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2
Tổng số thu	194.901,9	175.462,1	188.721	175.100	96,83	99,79
I. Các khoản thu 100%	190,2	185,3	235	235	123,58	126,84
- Phí, lệ phí	91,9	89,9	65	65	71	72
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	29,5	29,5	50	50	169	169
- Thu khác	68,7	65,8	120	120		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	33.379,4	13.944,5	25.791	12.170	77,27	87,27
1. Các khoản thu phân chia	33.379,4	13.944,5	25.791	12.170	77,3	87,3
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-	-		
- Thuế sử dụng đất phi NN	0,7	0,7	1	1		
- Thuế thu nhập cá nhân	806,5		580	290		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.767,9	195,0	2.200	1.100	124,4	564,1
- Thuế GTGT và TNDN	2.427,6	980,7	1.425	713	58,7	72,7
- Thuê mặt đất,mặt nước	9,6	2,9	85	36		
- Thu tiền sử dụng đất	28.367,1	12.765,2	21.500	10.030		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-				
IV. Thu chuyển nguồn	12.178,0	12.178,0				

V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.154,3	149.154,3	162.695	162.695	109,1	109,1
- Bổ sung cân đối ngân sách	102.341,6	102.341,6	162.695	162.695	159,0	159,0
- Bổ sung có mục tiêu	46.812,6	46.812,6				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TIẾN

Biểu số 105/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 20 /12/2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị: triệu đồng.

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4
Tổng số chi (I+II)	105.640	2.514	103.126	175.100	10.030	165.070	165,8	399,0	160,1
I- Chi ngân sách	102.495		102.495	162.141	10.030	162.141	158,2		158,2
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	58		58	2.380	-	2.380	4096,4		4096,4
- Chi dân quân tự vệ	33		33	2.010		2.010	6184,6		6184,6
- Chi trật tự an toàn xã hội	26		26	370		370	1445,3		1445,3
2. Chi giáo dục và đào tạo	63.959		63.959	73.704		73.704			
3. Chi khoa học và công nghệ	-			150		150			
3. Chi y tế, dân số	-			3.909		3.909			
4. Chi văn hóa, thông tin truyền thanh, TDTT	193		193	440		440	228,5		228,5
5. Chi bảo vệ môi trường	249		249	1.000		1.000	401,1		401,1
6. Chi các hoạt động kinh tế	237		237	11.340		11.340	4784,8		4784,8
7. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.283		31.283	30.274		30.274	96,8		96,8
8. Chi cho công tác xã hội	6.305		6.305	38.056		38.056	603,6		603,6
9. Chi khác	211		211	888		888			421,5
II. Dự phòng	631		631	2.929		2.929	464,2		464,2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 20 /12 /2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị: triệu đồng.

Nội dung	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã hoàn thành đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn khác
Tổng số	-	38.000	-	6.500	6.500	25.030	-	10.030	15.000
I- Các công trình chuyển tiếp	-	11.500	-	6.500	6.500	5.000	-	5.000	-
Cầu Nờ xã Sơn Tiến		7.000		3.500	3.500	3.500		3.500	
Nâng cấp đường trục chính xã Sơn Tiến đoạn từ ngã ba đến giao đường ADB		4.500		3.000	3.000	1.500		1.500	
II- Các công trình khơi công mới	-	26.500	-	-	-	20.030	-	5.030	15.000
Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Sơn Tiến		13.000				10.000			10.000
Hệ thống truyền thanh cơ sở xã Sơn Tiến		1.500				1.500		1.500	
Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Phúc Thịnh, xã Sơn Tiến		1.500				1.500		1.500	
Quy hoạch (điều chỉnh QH) chung và QH tổng mặt bằng sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Tiến		500				500		500	
Đường trục chính xã Sơn Tiến đoạn từ ngã ba Sơn An (cũ) đến giao đường ADB		10.000				6.530		1.530	5000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TIẾN

Biểu số 107/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU CHI CÁC LOẠI QUỸ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Nội dung	Ước thực hiện năm 2025			Kế hoạch năm 2026		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
Tổng số chi	228.304.000	228.304.000	-	228.304.000	228.304.000	-
I- Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	228.304.000	228.304.000	-	228.304.000	228.304.000	-
1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	75.581.000	75.581.000	-	75.581.000	75.581.000	-
2. Quỹ Bảo trợ trẻ em	91.962.000	91.962.000	-	91.962.000	91.962.000	-
3. Quỹ phòng chống thiên tai	60.761.000	60.761.000	-	60.761.000	60.761.000	-
II- Các hoạt động sự nghiệp	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ